

Số: 03 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 06 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Giao số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập
của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 880-QĐ/TU ngày 08/12/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao biên chế giai đoạn 2022 – 2026 cho Ban Cán sự đảng UBND tỉnh quản lý; Quyết định số 1690-QĐ/TU ngày 04/12/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao chỉ tiêu biên chế năm 2025 cho Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý;

Thực hiện Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 27/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 2551/SNV-CCVC ngày 31/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao số lượng người làm việc cho các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2025 là **23.204** người. Trong đó:

1. Tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước là 21.386 người;

2. Tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp là 1.818 người (trong đó, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước chuyển sang số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp năm 2022 và 2023: 782 người; năm 2024: 228 người; năm 2025: 257 người; bổ sung 551 người hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp cho Sở Y tế).

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tiếp tục bổ sung 358 biên chế giáo viên bậc mầm non và tiểu học (từ năm học 2022 – 2023 và năm học 2023 – 2024) cho UBND các huyện, thị xã, thành phố và thực hiện tinh giản biên chế đảm bảo theo quy định đến năm 2026.

Điều 3. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm thông báo giao chỉ tiêu số lượng người làm việc năm 2025 cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị, địa phương để làm cơ sở quản lý, sử dụng số lượng người làm việc theo đúng quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- VPUB: PCVP;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu VT, NC(Vi04).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Hoàng Tuấn
Trần Hoàng Tuấn

SỔ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC GIAO CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 26/01/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

PHỤ LỤC

TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	Tổng số lượng người làm việc được giao năm 2025	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước năm 2025					Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị năm 2025					Biên chế bổ sung cho giáo dục		Ghi chú
			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	
				SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế	SN khác		SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế	SN khác			
A	B		6	7	8	9	10	13				11	12		
1	CẤP TỈNH	7256	5438	2778	119	2173	368	1818	153	72	1572	21			Năm 2025 chuyển 257 NLV hưởng lương từ NSNN sang hưởng lương từ NTSN (năm 2022 và 2023: 782 người; năm 2024: 228 người; năm 2025: 257 người; bổ sung 551 người hưởng lương từ NTSN cho Sở Y tế)
1	Văn phòng UBND tỉnh	16	15				15	1				1			
-	Trung tâm công báo và tin học	16	15				15	1				1			
2	Sở Nội vụ	16	8				8	8			8				
-	Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh	16	8				8	8			8				
3	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	65	65	0			65								
-	Trung tâm công tác xã hội tỉnh Quảng Ngãi	42	42				42								
-	Trung tâm điều dưỡng người có công	15	15				15								
-	Ban vì sự tiến bộ phụ nữ	1	1				1								
-	Quỹ bảo trợ trẻ em	7	7				7								
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	205	205				205								
-	Chi cục Kiểm lâm (biên chế sự nghiệp)	57	57				57								
-	Trạm Kiểm dịch động vật Đực Phở thuộc CC Chăn nuôi và Thú y	6	6				6								
-	Trung tâm Khuyến nông	31	31				31								
-	Trung tâm phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai	6	6				6								

TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	Tổng số lượng người làm việc được giao năm 2025	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước năm 2025				Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị năm 2025				Biên chế bổ sung cho giáo dục		Ghi chú	
			Trong đó				Trong đó				Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024		
			Tổng số	SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế	SN khác	Tổng số	SN giáo dục	SN văn hoá				SN y tế
A	B		6	7	8	9	10	10	13			11	12	14
-	Ban Quản lý Khu bảo tồn biển Lý Sơn	10					10							
-	VP điều phối CTMTQG xây dựng Nông thôn mới	9					9							
-	Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi	86					86							
5	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	111	86	0	86	0	0	0	25	25				
-	Trung tâm Văn hoá Nghệ thuật tỉnh	31	26		26				5	5				
-	Thư viện tỉnh	16	16		16									
-	Bảo tàng tổng hợp tỉnh	16	16		16									Chuyển 03 biên chế về cho UBND huyện Bình Sơn, Ba Tơ và Thị xã Đức Phổ quản lý
-	Ban QL KCT Sơn Mỹ	11	9		9				2	2				
-	Trung tâm huấn luyện và thi đấu TDTT	37	19		19				18	18				
6	Sở Khoa học và Công nghệ	25	14		14			14	11	11				
-	Trung tâm Ứng dụng và dịch vụ KHCN	25	14		14			14	11	11				
7	Sở Công Thương	15	14		14			14	1	1				
-	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại	15	14		14			14	1	1				
8	Sở Tư pháp	23	23		23			23						
-	Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước	23	23		23			23						
9	Sở Kế hoạch và Đầu tư	15	15		15			15						
-	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư	15	15		15			15						
10	Sở Giáo dục và Đào tạo (các đơn vị sự nghiệp trực thuộc)	2674	2674	2674										Năm 2025 giảm 12 biên chế SN giáo dục
11	Sở Y tế	3745	2173			2173			1572	1572				
-	Tuyển tỉnh và tuyển huyện	2585	1013			1013			1572	1572				
-	Các Trạm y tế xã	1160	1160			1160								

TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	Tổng số lượng người làm việc được giao năm 2025	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước năm 2025					Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị năm 2025					Biên chế bổ sung cho giáo dục		Ghi chú
			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	
				SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế	SN khác		SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế	SN khác			
A	B		6	7	8	9	10	13				11	12	14	
12	Trường đại học Phạm Văn Đồng	254	101	101				153	153						
13	Đài phát thanh Truyền hình	80	33		33			47		47					
14	Trạm Kiểm tra tải trọng xe lưu động	5	5				5								
15	Trung tâm hoạt động Thanh thiếu niên Diên Hồng tỉnh Quảng Ngãi	7	7	3			4								
II	CẤP HUYỆN, THÀNH PHỐ	15854	15854	15416	198	0	240	0	0	0	0	286	72		Giảm 113 biên chế SN giáo dục; tăng 03 biên chế SN văn hóa
1	Thành phố Quảng Ngãi	2502	2502	2457	17	0	28					32	13		Năm 2025 giảm 09 biên chế SN giáo dục
2	Huyện Bình Sơn	2088	2088	2046	13	0	29					32	29		Năm 2025 giảm 16 biên chế SN giáo dục; tiếp nhận 01 biên chế từ Sở VH TT & DL
3	Huyện Sơn Tịnh	1013	1013	986	12	0	15					17	2		Năm 2025 giảm 10 biên chế SN giáo dục
4	Huyện Tư Nghĩa	1403	1403	1366	16	0	21					13	0		Năm 2025 giảm 08 biên chế SN giáo dục
5	Huyện Nghĩa Hành	970	970	949	10	0	11					10	0		Năm 2025 giảm 09 biên chế SN giáo dục
6	Huyện Mộ Đức	1483	1483	1453	15	0	15					7	0		Năm 2025 giảm 13 biên chế SN giáo dục
7	Thị xã Đức Phổ	1556	1556	1528	13	0	15					7	0		Năm 2025 giảm 08 biên chế SN giáo dục; tiếp nhận 01 biên chế từ Sở VH TT & DL
8	Huyện Sơn Tây	608	608	585	11	0	12					16	0		Năm 2025 giảm 06 biên chế SN giáo dục
9	Huyện Sơn Hà	1148	1148	1122	11	0	15					49	18		Năm 2025 giảm 08 biên chế SN giáo dục
10	Huyện Minh Long	417	417	388	13	0	16					4	0		Năm 2025 giảm 05 biên chế SN giáo dục

TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	Tổng số lượng người làm việc được giao năm 2025	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước năm 2025				Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị năm 2025				Biên chế bổ sung cho giáo dục		Ghi chú	
			Tổng số	SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế	SN khác	Tổng số	SN giáo dục	SN văn hoá	SN y tế	SN khác		Năm học 2022-2023
A	B		6	7	8	9	10		13			11	12	14
11	Huyện Ba Tư	1078	1078	1037	18	0	23					46	7	Năm 2025 giảm 07 biên chế SN giáo dục; tiếp nhận 01 biên chế từ Sở VH TT & DL
12	Huyện Lý Sơn	330	330	301	20	0	9					10	3	Năm 2025 giảm 06 biên chế SN giáo dục
13	Huyện Trà Bồng	1258	1258	1198	29	0	31					43	0	Năm 2025 giảm 08 biên chế SN giáo dục
III	Biên chế dự phòng	94	94											
	TỔNG CỘNG (I+II+III)	23204	21386	18194	317	2173	608		1818	153	72	286	72	